

* Bài tập:

Sắp xếp câu(thêm dấu câu):

(1) 银行 吗 去 你
Yínháng ma qù nǐ

(2) 吗 准备 了 好
ma zhǔnbèi le hǎo

(3) 家 在 吗 她
jiā zài ma tā

(4) 爱 你 吗 我
ài nǐ ma wǒ